

**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Tên giao dịch: TÔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM.

Mã số doanh nghiệp: 0300613198 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 08/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8: ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Địa chỉ liên lạc: 42 Chu Mạnh Trinh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 08. 38292342 Fax: 08.38292344

Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn) Email: [vanphong@vsfc.com.vn](mailto:vanphong@vsfc.com.vn)

Sau đây chúng nhận: Ông Bạch Thanh Phong

Điện thoại liên hệ: 0916.999.594 Email: [phong.bachthanh@vsfc.com.vn](mailto:phong.bachthanh@vsfc.com.vn)

Chức vụ tại doanh nghiệp: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Chiến lược

Là người được Tổng công ty Lương thực miền Nam ủy quyền làm “Người công bố thông tin” của Tổng công ty Lương thực miền Nam theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ**  
**PHÁT TRIỂN 05 NĂM CỦA DOANH NGHIỆP**  
(báo cáo kèm theo – kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm 2011-2015 )

**PHỤ LỤC SỐ 3**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ**  
**PHÁT TRIỂN HẰNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP**  
(báo cáo kèm theo – kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015)

**PHỤ LỤC SỐ 4**  
**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG HẰNG NĂM**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM**

**Tên doanh nghiệp:**

- Tên gọi đầy đủ : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

- Tên đối ngoại: VIETNAM SOUTHERN FOOD CORPORATION

- Tên viết tắt : VINAFOOD II

- Địa chỉ trụ sở chính : 42 Chu Mạnh Trinh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại : 08. 38292342

Fax: 08.38292344

- Email : [vanphong@vsfc.com.vn](mailto:vanphong@vsfc.com.vn)

Website : [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

Năm báo cáo: 2015

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Những sự kiện quan trọng**

**a. Việc thành lập.**

- Sau ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, năm 1976 Tổng công ty được thành lập với tên gọi là: Tổng công ty lúa gạo Miền Nam (Quyết định số 130/LTTP ngày 18/8/1976 của Bộ Lương thực và Thực phẩm).

- Tháng 7-1978: Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Quyết định số 1606/LTTP-LĐ ngày 20/7/1978 của Bộ Lương thực và Thực phẩm)

- Tháng 9-1986: Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty Lương thực khu vực II (Quyết định số 493 QĐ/TC ngày 09/9/1986 của Bộ Lương thực).

- Tháng 11-1987: Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) quyết định thành lập Tổng công ty Lương thực Trung ương (Vinafood) (Quyết định số 210/HĐBT

ngày 07/11/1987) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trên cơ sở tổ chức lại các Tổng công ty LT khu vực I, II, Miền Trung, XNK lương thực, Công ty Vật tư bao bì II và các xí nghiệp xay xát gạo và bột mì. Lúc này Tổng công ty trở thành Cơ quan đại diện Tổng công ty Lương thực Trung ương đặt tại Thành phố HCM (Quyết định số 417/NN-CNTTP ngày 30/11/1987 của Bộ NN-Công nghiệp thực phẩm)

- Tháng 01-1990: Thành lập lại Tổng công ty Lương thực Trung ương II (Vinafood II) trực thuộc Bộ NN và Công nghiệp thực phẩm (Quyết định số 19 NN-TCCB/QĐ ngày 18/01/1990 của Bộ NN- Công nghiệp thực phẩm).

- Tháng 5-1995: Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Tổng công ty Lương thực Miền Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng công ty Lương thực Trung ương II, Công ty Lương thực Trung ương III và các đơn vị kinh doanh lương thực từ Quảng Nam- Đà Nẵng trở vào (Quyết định số 311/QĐ/TTg ngày 24/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ). Tổng công ty còn được gọi là Tổng công ty 91 (hạng đặc biệt) vì được thành lập theo mô hình thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh tại Quyết định số 91-TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tháng 7-2003: Tổng công ty bắt đầu thực hiện công cuộc sắp xếp, chuyển đổi DNNN và thí điểm tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con của Chính phủ (Quyết định số 136/2003/QĐ-TTg ngày 10/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tháng 12-2005: Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 333/2005/QĐ-TTg ngày 14/12/2005 về việc thành lập Tổng công ty Lương thực Miền Nam tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con; Quyết định số 125/2006/QĐ-TTg ngày 30/5/2006 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực Miền Nam theo mô hình công ty mẹ- công ty con. Tổng công ty đã đăng ký kinh doanh, khắc dấu lại và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình mới kể từ 08/02/2007.

- Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu; Tổng công ty Lương thực miền Nam thực hiện chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 25/6/2010; và kể từ ngày 30/3/2011 cho đến nay Tổng công ty chính thức đăng ký hoạt động theo mô hình mới với tên gọi là: Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty Lương thực miền Nam..

- Ngày 20/12/2012, Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 1909/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn 2012-2015 đề tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính.

- Hiện nay, Tổng công ty Lương thực miền Nam gồm 14 đơn vị thuộc khối mẹ và 01 đơn vị Văn phòng Tổng công ty, 14 Công ty con (03 Công ty TNHH, 11 Công ty cổ phần chi phối), 10 công ty liên kết với gần 7.300 cán bộ, công nhân viên. Tổng công ty Lương thực miền Nam có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí

Mình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho chứa trải dài từ Đà Nẵng đến Cà Mau, đặc biệt tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, nơi sản xuất hầu hết số lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam.

- Cùng với sự tăng cường về quy mô, cơ cấu, Tổng công ty Lương thực miền Nam cũng mở rộng sang nhiều lĩnh vực hoạt động: chế biến nông sản, thực phẩm với sản phẩm chính là lúa gạo, ngoài ra còn có các mặt hàng khác như sản lát, bắp, các loại đậu,...; kinh doanh nội địa và xuất - nhập khẩu các mặt hàng lương thực, thực phẩm chế biến, lúa mì, bột mì, phân bón, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp, bao bì và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

#### **b. Vốn điều lệ.**

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0300613198 do Phòng Đăng ký kinh doanh -Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 08/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8: ngày 09 tháng 01 năm 2015.

- Vốn ghi trong điều lệ của Tổng công ty Lương thực miền Nam: 3.375.000.000.000 đồng (Ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng ).

- Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng bằng chữ: Sáu tỷ đồng.

- Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Địa chỉ trụ sở chính: Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Tổng giám đốc

Họ và tên: HUỲNH THỀ NĂNG

#### **c. Các thành tích đạt được**

- Tổng công ty Lương thực miền Nam được trao Cờ chính phủ qua các năm 1992, 1995 , 1996, 1997, 1998, 2006, 2007.

- Huân Chương Lao Động III năm 1990 và Huân Chương Lao Động I năm 1994.

- Huân Chương Độc Lập hạng II, III.

- Cờ Thi Đua Bộ năm 1992.

- Bằng khen Bộ Thương Mại năm 2001, 2003.

- Bằng khen Chủ tịch phòng Thương Mại và Công Nghệ Việt Nam (0526/PTM-TĐKT ngày 21/3/2005).

- Giải thưởng Doanh nghiệp hàng đầu trong xuất khẩu gạo (thời báo kinh tế Việt Nam).

- Bằng khen Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội (968/QĐ-BLĐTBXH, ngày 9/7/2007) và chứng nhận Doanh nghiệp có kim ngạch XNK xuất sắc (Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Bảo Thương mại).

- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2007 của Bộ Công thương (QĐ số

- Cờ Chính phủ (Khởi thi đua).

Từ năm 1995 đến nay, Tổng công ty Lương thực miền Nam đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1999), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2008). Nhiều năm được tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ NN-PTNT, Bằng khen của Bộ Thương mại...; được Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng Giải thưởng Doanh nghiệp hàng đầu trong xuất khẩu gạo năm 2006; được Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Báo Thương mại cấp Chứng nhận Doanh nghiệp có kim ngạch XNK xuất sắc năm 2007. Liên tục từ năm 2007 – 2013 được Bộ Công thương công nhận là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

Tổng công ty đã có 02 tập thể và 04 cá nhân được phong tặng Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới. Từ năm 1995 đến nay đã có 22 cá nhân được phong tặng Chiến sĩ thi đua Toàn quốc.

Các đơn vị thành viên của Tổng công ty từ năm 1995 – 2014 đã được nhà nước tặng thưởng:

- 03 Huân chương Độc lập hạng Ba;
- 05 Huân chương lao động hạng Nhất;
- 39 Huân chương lao động hạng Nhì;
- 243 Huân chương Lao động hạng Ba cho các tập thể và cá nhân.

Từ năm 1995 đến nay, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã được tặng thưởng 89 Cờ thi đua Chính phủ và 823 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các tập thể, cá nhân.

## **2. Quá trình phát triển**

### **a. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.**

- Tổng công ty Lương thực miền Nam được đánh giá là một trong những doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực xuất khẩu gạo trên thế giới. Sản phẩm của Tổng công ty Lương thực miền Nam có mặt ở nhiều thị trường như: Châu Á, các nước vùng Trung Đông, Châu Phi, Châu Mỹ, các nước Đông Âu và một số nước thuộc liên minh Châu Âu... Nhờ sự quảng bá, xuất – nhập khẩu của Vinafood 2, thương hiệu lúa gạo Việt Nam đã được nhiều người trên thế giới biết đến, chấp nhận và tin dùng.

- Với chức năng, nhiệm vụ của mình, Tổng công ty Lương thực miền Nam đã thực hiện tốt vai trò tiêu thụ lúa, gạo cho nông dân thể hiện qua việc hoàn thành các chỉ tiêu mua tạm trữ lúa, gạo theo phân bổ của Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), tích cực tham gia vào công tác bình ổn giá lương thực, phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân với hệ thống 105 Cửa hàng tiện ích từ Đà Nẵng trở vào Cà Mau, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

### **b. Mục tiêu kinh doanh**

Trở thành một trong những Doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo lớn trên thế

giới với mức chế biến và xuất khẩu bình quân hàng năm đạt khoảng 2,8 – 3,0 triệu tấn gạo, kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 tỷ USD, doanh số trên 30.000 tỷ đồng đã góp phần quan trọng vào việc tiêu thụ lương thực hàng hóa cho nông dân; đầu tư tăng năng lực sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường nội địa, bình ổn giá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**c. Ngành, nghề kinh doanh chính.**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột ( không hoạt động tại trụ sở).	4632
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	4669
3	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).	4721
4	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo, thực phẩm khác (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh). Bán lẻ bánh tráng.	4772
5	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).	4773
6	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực thực phẩm.	4719
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân phối vào đâu Chi tiết: Thu mua, bảo quản, chế biến, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản.	8299

8	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Bảo quản, chế biến thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở). Chế biến thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1010
9	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	1030
10	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Chế biến thức ăn chăn nuôi.	1080
11	Nuôi trồng thủy sản biển	321
12	Nuôi trồng thủy sản nội địa	322
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất theo bao bì từ hạt nhựa (trừ tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).	2220
14	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	1623
15	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở).	3290
16	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sản xuất bánh tráng.	1071
17	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát, chế biến lúa mì, bột mì.	1061
18	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: Sản xuất và chế biến các sản phẩm từ bột.	1062
19	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ sau thu hoạch.	163
20	Xử lý hạt giống để nhân giống	164
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Khai thác cảng biển Trà nóc, bến cảng nội thủy. Giao nhận, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển.	5222
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng sông, cảng biển	5224
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi	5210

#### d. Quy chế hoạt động

Căn cứ Nghị định 10/2014/NĐ-CP ngày 13/02/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam. Trên cơ sở đó, Tổng công ty Lương thực miền Nam nghiên cứu, soạn thảo, ban hành, sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống các quy chế quản trị doanh nghiệp, danh mục hệ thống quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty Lương thực miền Nam ban hành gồm 23 Quy chế, Quy định:

- Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế làm việc của Kiểm soát viên.

- Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế làm việc của bộ máy quản lý và điều hành trong toàn Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế hoạt động kiểm soát nội bộ của
- Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế quản lý tiền hàng trong mua, bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế về quản lý và khai thác sử dụng cổng giao dịch điện tử của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế quản lý hạn mức tín dụng, tài trợ tài chính trong Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và xử lý tài sản tồn thất.
- Quy chế thi đua và khen thưởng của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế dân chủ cơ sở trong Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng trong Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế quản lý người đại diện vốn của tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế văn thư, lưu trữ của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
- Quy định về công tác cán bộ của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Hệ thống tiêu chuẩn, chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Hệ thống thang, bảng lương, tiêu chuẩn, điều kiện nâng lương của khối Mẹ Tổng công ty.
- Nội qui lao động của cơ quan văn phòng Tổng công ty ( thực hiện theo bộ luật Lao động 2012).
- Quy chế trả lương trả thưởng của từng đơn vị trong Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- Quy chế quản lý và sử dụng các phần mềm quản lý nghiệp vụ tại Tổng công ty Lương thực miền Nam. Quy chế này sẽ quy định về việc các phòng, ban nghiệp vụ tại văn phòng Tổng công ty và các đơn vị phải tuân thủ các nguyên tắc về quản lý, sử dụng, bảo mật và nhất là việc cập nhật dữ liệu kịp thời để đảm bảo việc theo dõi, xử lý và điều hành của Lãnh đạo Tổng công ty.
- Quy định về ứng xử trong quan hệ công tác và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Tổng công ty Lương thực miền Nam sẽ tăng cường đầu tư, trang bị và áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và hợp tác giữa các đơn vị trong Tổng công ty Lương thực miền Nam và thực hiện giao dịch với đối tác khách hàng.



### **3. Định hướng phát triển trong những năm tới**

#### **a. Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp**

- Tiếp tục duy trì là đơn vị thu mua, xuất khẩu hàng đầu, phần đầu giữ thị phần 40% - 45% của cả nước, góp phần tiêu thụ tốt lúa hàng hoá cho nông dân, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; là một trong những đơn vị xuất khẩu gạo lớn trên thế giới.

- Đẩy mạnh phát triển ngành, nghề chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản, đa dạng các sản phẩm tạo ra nhiều sản phẩm GTGT từ lúa gạo, các sản phẩm thể mạnh theo hướng nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm nhằm duy trì vị thế của Tổng công ty Lương thực miền Nam, trở thành một trong những Tổng công ty mạnh, có uy tín trong nước và quốc tế là một trong những đơn vị có sản phẩm lương thực thực phẩm chế biến hàng đầu trong nước.

- Đảm bảo Tổng công ty Lương thực miền Nam phát triển hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và nhiệm vụ chính trị; góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và điều tiết kinh tế vĩ mô; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh, tăng cường tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, bảo đảm quy trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ khép kín.

- Xây dựng các vùng nguyên liệu để có nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao nhằm đáp ứng những thị trường thương mại khó tính. Tăng sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo thơm, gạo hữu cơ cho nội địa và xuất khẩu. Đa dạng hóa nhiều thị trường xuất khẩu, nâng cao dần tỷ lệ xuất khẩu các hợp đồng thương mại, nâng cao giá trị hạt gạo.

- Phát triển thương hiệu gạo Vinafood 2 để tăng tính cạnh tranh, giữ vững thị phần ở các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới.

#### **b. Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

Với những điều kiện về nguồn lực nội tại sẵn có, sự biến động của tình hình trong nước và thế giới. Hơn nữa, khi Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với nền kinh tế thế giới, các nước ngày một tăng cường đối phó với việc cắt giảm hàng rào thuế quan và dựng lên các hàng rào phi thuế quan mới. Tổng công ty Lương thực miền Nam sẽ xây dựng một số chiến lược phù hợp:

-) Chiến lược phát triển nguồn nhân lực sau cổ phần hóa.

-) Chiến lược kinh doanh, để hiệu quả hơn thì chiến lược kinh doanh sẽ được chia ra thành 03 chiến lược nhỏ cho mỗi mục tiêu, mỗi thị trường, mỗi phân khúc (đối tượng) và từng giai đoạn phát triển của Tổng công ty.

+ Chiến lược chi phí thấp.

+ Chiến lược khác biệt hóa, ứng dụng KHVCN và R&D.

+ Chiến lược khách hàng.

-) Chiến lược thị trường và phát triển thương hiệu.

-) Chiến lược Đa dạng hóa sản phẩm – tận dụng phụ phẩm từ lúa gạo.

## II. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính).

a/ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty mẹ (theo số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán).

- Tổng doanh thu (doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác) : 19.028,368 tỷ đồng

- Tổng tài sản (31/12/2014) : 12.047,564 tỷ đồng

b/ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của toàn Tổng công ty Lương thực miền Nam (theo số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

- Tổng doanh thu (doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và thu nhập khác) : 26.534,965 tỷ đồng

- Tổng tài sản (31/12/2014) : 13.857,272 tỷ đồng

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

- Định hướng đầu tư sản phẩm nâng cao giá trị, đa dạng hóa tận dụng phụ phẩm từ lúa gạo.

- Trong giai đoạn này, Tổng công ty Lương thực miền Nam chủ trương đầu tư cơ sở vật chất theo định hướng như sau:

+ Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chương trình cánh đồng lớn của Tổng công ty đã được Bộ Nông nghiệp – PTNT chấp nhận chủ trương.

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở cũ, đầu tư theo chiều sâu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, gia tăng chất lượng hạt gạo Việt Nam.

+ Đầu tư máy tách màu cho các dây chuyền có năng suất lớn, nâng cao chất lượng sản phẩm trên thị trường, tăng khả năng cạnh tranh.

+ Di dời và lắp đặt hoàn thành dây chuyền chế biến bột mì có công suất 500 tấn/ngày tại khu công nghiệp Tân Kim, huyện Cần Giuộc, Long An.

+ Thiết lập và triển khai dự án xây dựng thương hiệu gạo Việt Vinafood 2.

+ Nghiên cứu, hình thành và triển khai Quỹ khoa học công nghệ của Vinafood 2 theo qui định pháp luật hiện hành.

+ Hỗ trợ nghiệp vụ, kỹ thuật cho các Công ty cổ phần, Công ty TNHH thuộc Tổng công ty trong việc triển khai các dự án đầu tư.

+ Phối hợp với các đơn vị trong Tổng công ty để triển khai các công việc đánh giá các tài sản thuộc Tổng công ty phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng công ty.

- Thực hiện kế hoạch đầu tư đồng bộ với diện tích cánh đồng lớn thực hiện theo PT1 và PT2 đến năm 2020 là 255.000/800.000 ha, sản lượng lúa tương ứng là 1.500.000/4.800.000 tấn.

### 3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tình hình chung trong 6 tháng đầu năm 2015, Tổng công ty về cơ bản đã thực hiện được nhiều việc như công tác cải thiện chất lượng thông tin, bước đầu đã củng cố, sắp xếp, hợp lý công tác tổ chức, thực hiện quyết liệt, khẩn trương công tác tái cơ cấu nhất là trong lĩnh vực thủy sản bằng nhiều giải pháp linh hoạt, tích cực thanh, kiểm tra chi đạo xử lý thu hồi nợ bằng nhiều biện pháp, thực hiện nhiều giải pháp tích cực, khẩn trương cho công việc lành mạnh tình hình tài chính, cân đối vốn cho thu mua, xuất khẩu, đầu tư...đặc biệt là trong lúc khó khăn Tổng công ty cũng tích cực tìm nguồn vốn bổ sung và đã thiết lập lại quan hệ tín dụng với các ngân hàng để đạt được các khoản giải ngân khá lớn góp phần cân đối cho các nhu cầu vốn trong công tác thu mua, trả nợ đến hạn...qua đó làm giảm áp lực đáng kể sự căng kéo vốn trong thời điểm thu mua tập trung. Ngoài ra, trong quá trình tiếp cận việc thực hiện các chủ trương của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc liên kết 4 nhà thông qua qua việc xây dựng vùng lúa nguyên liệu chất lượng cao ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu long, thực hiện liên kết sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn, thông qua đó góp phần tiêu thụ lúa cho nông dân...bước đầu đã có chuyển động, đã có nhiều đơn vị tham gia với nhiều cách tổ chức thực hiện khác nhau tạo đà cho những năm tiếp theo tiến tới mục tiêu phát triển ngành lúa gạo, nâng cao giá trị hạt gạo Việt Nam qua việc xây dựng thương hiệu quốc gia, hình thành chuỗi cung ứng ngành hàng lúa gạo Việt Nam, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Tuy vậy, 6 tháng đầu năm khi nhìn lại, Tổng công ty cũng đã gặp không ít khó khăn, những diễn biến không thuận lợi như: giao dịch xuất khẩu gạo kể cả trong và ngoài nước bị cạnh tranh quyết liệt, giá gạo bất lợi, giao dịch trầm lắng kéo dài, lượng gạo xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới phía Bắc không ổn định rất khó lường, diễn biến tình hình chính trị các nước nhập khẩu gạo phức tạp và không thuận lợi, bản thân nội tại của Tổng công ty cũng phải đương đầu với một số vấn đề khó khăn, bất cập có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Khi phân tích tình hình khó khăn hiện nay của Tổng công ty ngoài yếu tố khách quan thì cần phải thấy khó khăn còn do một số nguyên nhân chủ quan như sự yếu kém, trở bộ không kịp so với yêu cầu đổi mới của hoạt động sản xuất kinh doanh trong đội ngũ cán bộ của hệ thống, nhất là đội ngũ cán bộ kinh doanh xuất nhập khẩu tại cơ sở; sự yếu kém trong việc chấp hành nghiêm các quy định, quy chế quản lý của Tổng công ty, của Nhà nước tại một số đơn vị dẫn tới sai phạm, thất thoát... đang để lại hậu quả khó khắc phục trong năm nay;

### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

#### a. Triển vọng trong tương lai:

- Sự biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu, vì vậy các nước trên thế giới đều có nhu cầu lương thực gắn liền với an ninh lương thực của quốc gia đó. Các nước này có xu hướng cần một nguồn cung cấp lớn và ổn định.

- Việt Nam hiện đã tham gia 10 hiệp định thương mại song phương (FTA), trong đó có 6 hiệp định ASEAN với các đối tác. Mỗi hiệp định là hàng ngàn cam kết cụ thể, mức độ khác nhau, thời gian thực hiện khác nhau nhưng cơ bản đều tác động mạnh đến giao thương hàng hóa của Việt Nam với hàng chục quốc gia. Vì hầu hết các cam kết đều đưa 90% số dòng thuế về 0% vào cuối năm 2015 và chậm nhất là đến năm 2018.

- Nhà nước đã quan tâm đến việc đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, giúp người nông dân tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện cho người nông dân vay vốn, vật tư nông nghiệp nên đã thúc đẩy phát triển sản xuất, giữ vững và tăng sản lượng lương thực hàng năm tạo nền tảng cho việc xuất khẩu lương thực ổn định, số lượng và giá trị tăng hàng năm, giữ vững an ninh lương thực quốc gia. Gần đây, Thủ Tướng Chính phủ đã ra Quyết định 706/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án Phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **b. Kế hoạch trong tương lai:**

Trước khó khăn như nêu trên, ngoài việc tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện cho tốt các Nghị quyết 05 và 06 của Đảng uỷ, các Kết luận của Tổng giám đốc trong việc triển khai 4 đồng thuận và các chỉ đạo cụ thể trong các cuộc họp... Tổng công ty cần tích cực khai thác hiệu quả tối đa từ những hợp đồng tập trung mới ký và tìm khách hàng mới cho các hợp đồng thương mại trong quý III và quý IV/2015 để giảm thiệt hại chung và chuẩn bị gối đầu cho các tháng đầu năm 2016.

Thực hiện quyết liệt công tác tái cơ cấu, sắp xếp tổ chức lại theo hướng hiệu quả tinh gọn, huy động mọi nguồn lực cho việc thực hiện lành mạnh tình hình tài chính Tổng công ty theo văn bản 235/TCT-HĐTV ngày 10/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty. Tăng cường, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tiền hàng, đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

Đẩy mạnh công tác cổ phần hoá Tổng công ty cho kịp tiến độ đã đề ra đi đôi với sắp xếp tổ chức lại, đổi mới công tác quản trị trong toàn hệ thống sao cho có hiệu quả.

Song song với các việc trên phải tăng cường lãnh đạo tốt công tác tư tưởng trong Cán bộ công nhân viên tạo sự đồng thuận cao để cùng đoàn kết thật sự, thống nhất cao, chung sức chung lòng, chia sẻ khó khăn nhất thời hiện nay, quyết tâm vượt qua thách thức để nỗ lực phấn đấu vươn lên khắc phục những yếu kém, tồn tại trong các tháng còn lại của năm 2015.

### **III. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

#### **1. Về việc báo cáo tài chính**

a) Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ.

\* Chế độ kế toán áp dụng: Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

\* Hình thức kế toán áp dụng: Tổng công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

\* Chuẩn mực kế toán: Tổng công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

\* Cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Khôi mẹ – Tổng công ty và báo cáo tài chính của Công ty con do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Tổng công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

b) Tình hình kiểm toán nội bộ: Tổng công ty có Ban Kiểm soát nội bộ, chưa có bộ phận Kiểm toán nội bộ.

## 2. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty cổ phần Lương thực Hậu Giang ngày 31/12/2014 đang được kế toán theo giá gốc mà không hợp nhất và báo cáo Công ty mẹ do Công ty cổ phần Lương thực Hậu Giang chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Những hạn chế đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán do Kiểm toán độc lập thực hiện tại các Công ty có Báo cáo tài chính được dùng để hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam được kiểm toán viên trình bày chi tiết tại

Phần II, phụ lục số 1.

Ngoại trừ các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BIỂU SỐ 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM ( có báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. CÁC CÔNG TY CON DO DOANH NGHIỆP NẴM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ**

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON NĂM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA DOANH NGHIỆP**

STT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ	Vốn TCT	Vốn thực đầu tư	Tỷ lệ vốn TCT
<b>A</b>	<b>Tổng Công ty góp vốn 100%</b>				
1	Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	381,593,456,782	381,593,456,782	381,593,456,782	100.00
2	Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang	300,000,000,000	300,000,000,000	300,000,000,000	100.00
3	Công ty TNHH Lương thực Sài Gòn	11,468,885,115	11,468,885,115	11,468,885,115	100.00
<b>B</b>	<b>Tổng Công ty góp vốn chi phối</b>	<b>564,642,463,000</b>	<b>331,861,578,000</b>	<b>332,342,309,000</b>	<b>58.86</b>
1	Cty CP Sài Gòn Lương thực	57,615,000,000	29,383,650,000	29,383,650,000	51.00
2	Cty CP LT Nam Trung Bộ	64,045,600,000	42,442,800,000	42,468,531,000	66.31
3	Cty CP LTTP Safoco	59,092,620,000	30,312,350,000	30,312,350,000	51.30
4	Cty CP Bao bì Tiểu Giang	11,900,000,000	7,140,000,000	7,140,000,000	60.00
5	Cty CPXLCK & LTTP (Mecofood)	80,000,000,000	48,000,000,000	48,000,000,000	60.00
6	Cty CP XNK NSIP Cà Mau	66,000,000,000	40,956,000,000	40,956,000,000	62.05
7	Cty CP Tô Châu	100,000,000,000	65,400,000,000	65,400,000,000	65.40
8	Cty CP Lương thực Bình Định	40,000,000,000	20,400,000,000	20,400,000,000	51.00
9	Cty CPTP Biển Xanh	21,989,243,000	13,955,578,000	14,410,578,000	65.53
10	Cty CP Lương thực Hậu Giang	54,000,000,000	28,771,200,000	28,771,200,000	53.28

## V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Hội đồng thành viên

**BIỂU SỐ 3: THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

STT	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
1	Phạm Hoàng Hà	Chủ tịch HĐQT	Không	Kỹ sư quân sự về xe quân sự		- Giám đốc công ty dịch vụ hàng không phía nam - Chủ tịch UBND quận 3 - Giám đốc sở Thương mại TPHCM - Phó chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương
2	Huỳnh Thế Năng	Ủy viên HĐQT	Không	Kỹ sư thủy lợi		- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang - Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang
3	Trương Văn Ảnh	Ủy viên HĐQT	Không	Cử nhân kinh tế		- Giám đốc công ty Lương thực Long An
4	Vũ Bá Vinh	Ủy viên HĐQT	Không	Cử nhân kinh tế		- Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty

### 2. Danh sách thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát/Kiểm soát viên.

- Vũ Bá Vinh (Trưởng Ban kiểm soát).
- Lê Phước Hải.
- Huỳnh Văn Tranh.
- Dương Thị Ngọc Mỹ.

### 3. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp